

Bản án số: **38/2018/HSST**

Ngày: **15/08/ 2018**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Bình Định và ông Trần Văn Nghi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Toại, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 08 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 31/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 07 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 08 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Như H**, sinh năm 1985; giới tính: nam; nơi sinh: huyện B, tỉnh Hà Nam; nơi ĐKKHKT: A4 Bãi C, phường C, quận Đ, thành phố H; chỗ ở hiện nay: số nhà 57, ngách 180/84 đường N, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Như H1 và bà Lý Thị Kim T; vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không; Lịch sử bản thân:

+ Bản án số 287 ngày 24/6/2011 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 28 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và nộp 200.000đ tiền án phí. Chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 01/02/2013, chấp hành xong án phí ngày 19/12/2011.

+ Bản án số 52 ngày 27/02/2014 của Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và nộp 200.000đ tiền án phí. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/4/2016, chấp hành xong án phí ngày 03/09/2014.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/5/2018, tạm giam từ ngày 04/5/2018. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1987; cư trú tại: xóm 10, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi liên quan: Chị D[□]ong Thị Y, sinh năm 1973; trú tại: xóm 11, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

+ Ông Trần Nh[□]H1, sinh năm 1960; trú tại: số nhà 57 ngách 180/84 N, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Anh Dương Văn T1, sinh năm 1973; trú tại: xóm 11, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

+ Ông Dương Văn N, sinh năm 1959; trú tại: xóm 16, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

+ Chị Dương Thị Y, sinh năm 1973; trú tại: xóm 11, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 02/05/2018, Trần Như H ngồi ở vỉa hè quốc lộ 21B cạnh bờ sông Ân, đối diện với cửa hàng tạp hóa “YT” thuộc xóm 16, xã Q của chị Chị Dương Thị Y, sinh năm 1973; cư trú tại: xóm 11, xã Q, huyện K. Trong khi ngồi, H thấy anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1987 trú tại xóm 10, xã A, huyện K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS 29F1-000.14 vào quán để mua đồ, anh H2 dựng xe trước cửa quán nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Quan sát quán không có người trông coi, H đi qua đường Quốc lộ tiến đến chỗ để xe thì thấy chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa, H ngồi lên xe, dùng tay phải mở khóa điện đồng thời dùng chân trái gạt chân chống lùi xe, dùng tay phải mở khóa điện đồng thời dùng chân trái gạt chân chống lùi về phía sau rồi nổ máy điều khiển xe đi về hướng thị trấn P, khi đi được khoảng 03 đến 04m thì bị anh H2 và nhân dân phát hiện bắt giữ. Tại cơ quan CSĐT – Công an huyện K Trần Như H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tang vật thu giữ: 01 xe mô tô, 01 giấy đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS 29F1-000.14, 01 giấy bán xe; quá trình điều tra thu giữ 01 USB nhãn hiệu Kingston dung lượng 08GB có chứa 01 đoạn video dung lượng 477MB trích xuất từ camera của gia đình chị Y ghi lại hình ảnh thực hiện hành vi lấy xe mô tô của bị cáo H do chị Y giao nộp.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 10/HĐ-ĐG ngày 04/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện K kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter 29F1-000.14 có trị giá 7.899.900đ.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H2 01 xe mô tô, và 01 giấy đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS 29F1-000.14; 01 giấy bán xe cho anh H2; Anh Nguyễn Văn H2 không yêu cầu Trần Như H bồi thường.

Bản cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 12/7/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Trần Như H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo nội dung cáo trạng và đề nghị HĐXX:

-Tuyên bố: Trần Như H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51, BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Căn cứ khoản 2 Điều 47 BLHS năm 2015; khoản 3, Điều 106 BLTTHS năm 2015; khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết

326/2016/NQUBTVQH14 trả lại cho chị Y 01 USB, buộc bị cáo phải nộp 200.000^d án phí HSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi vi phạm của mình thực hiện như tóm tắt nội dung vụ án của Tòa án; Lời khai nhận của bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng; còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa hôm nay là biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 02/05/2018 và kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 10/HĐ-ĐG ngày 04/05/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự và vật chứng thu giữ xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS 29F1-000.14.

Từ những chứng cứ đó đã có đầy đủ cơ sở xác định khoảng 21 giờ ngày 02/05/2018, lợi dụng anh Nguyễn Văn H2 lơ là mất cảnh giác trong việc trông coi tài sản; bị cáo Trần Như H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS 29F1-000.14 của anh H2 có giá trị là 7.899.900đ. Hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1, Điều 173 BLHS 2015.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi đó của bị cáo cần được xử nghiêm nhằm giáo dục cải tạo bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản, 1 Điều 51 thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gây hậu quả không lớn, tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu, là bệnh nhân HIV là tình tiết giảm nhẹ khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 khi lượng hình cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân xấu đã hai lần bị xử lý về hành vi vi phạm pháp luật; do đó cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS 29F1-000.14 mà bị cáo trộm cắp đã được cơ quan trả lại cho người bị hại; người bị hại không có yêu cầu nào khác nên vấn đề này không xem xét lại.

[4] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Hải chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS 29F1-000.14 cùng 01 giấy đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS 29F1-000.14 và 01 giấy bán xe đã thu giữ cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Văn H2; căn cứ khoản 2, Điều 47 BLHS 2015 và điểm a, b khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015 là phù hợp.

[5] Đối với 01 USB nhãn hiệu Kingston dung lượng 08GB do chị Y giao nộp có chứa 01 đoạn video dung lượng 477MB trích xuất từ camera của gia đình chị ghi lại hình ảnh thực hiện hành vi lấy xe mô tô của bị cáo H; căn cứ khoản 2, Điều 47 BLHS 2015 và điểm a, b khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015 cần đã trả lại cho chị Y là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện K; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Căn cứ căn cứ khoản 2, Điều 47 BLHS 2015; điểm a, b khoản 3 Điều 106, Điều 136 BLTTHS năm 2015; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Như H phạm tội “Trộm cắp tài sản” .

2. Xử phạt bị cáo Trần Như H 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/05/2018.

3. Trả lại 01 USB nhãn hiệu Kingston dung lượng 08GB cho chị Dương Thị Y.

4. Buộc bị cáo Trần Như H phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Công an huyện K;
- UBND phường Q;
- Bị cáo; người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Lưu: HS&VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh